

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 3 - 2024

“Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Sơn Điền
- Ông Nguyễn Văn Nguyên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Huỳnh Anh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 527/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Bích H, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Tổ 02, khóm L Q B, phường L P, thị xã T C, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Văn H1, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Tổ 02, khóm L Q B, phường L P, thị xã T C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2023, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị Bích H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Bích H và ông Trần Văn H1 chung sống với nhau vào năm 1994, hôn nhân do mai mối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Phú, thị xã Tân Châu theo giấy chứng nhận kết hôn số 46/2012, cấp ngày 23/4/2012.

Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và bất đồng về kinh tế gia đình, tính tình không hòa hợp dẫn đến hay xảy ra cãi vã, ông H1 không tôn trọng và thường hay dùng bạo lực gia đình với bà Hạnh dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, từ đó không còn sống chung cho đến nay. Bà Hạnh cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu ly hôn với ông H1.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Võ Thị Bích H và ông Trần Văn H1 có bốn con chung tên: Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 02/12/1994; Trần Thị Cẩm N1, sinh ngày 02/6/1997; Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 25/3/2005, tất cả đã trưởng thành và lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Hoàng M, sinh ngày 25/9/2010. Bà Hạnh đồng ý giao con chung Trần Hoàng M cho ông Trần Văn H1 được tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Võ Thị Bích H tự thỏa thuận với ông Trần Văn H1, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Võ Thị Bích H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn H1 có đăng ký cư trú tại: khóm L Q B, phường L P, thị xã T C, tỉnh An Giang, không thường xuyên sinh sống tại địa phương, mặc dù Tòa án không ghi được lời khai nhưng đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng do bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bị đơn và đồng thời lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không có ý kiến.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Văn H1 vắng mặt phiên tòa lần thứ hai, do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Bích H được ly hôn với ông Trần Văn H1.
- Về con chung: Giao con chung Trần Hoàng M, sinh ngày 25/9/2010 cho ông Trần Văn H1 được tiếp tục nuôi dưỡng, bà Hạnh không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: Bà Võ Thị Bích H trình bày không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Bà Võ Thị Bích H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Võ Thị Bích H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H1 có địa chỉ cư trú tại: Tổ 02, khóm L Q B, phường L P, thị xã T C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Ông Trần Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H1 theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Bích H và ông Trần Văn H1 sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 46/2012, cấp ngày 23/4/2012 là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng về kinh tế gia đình, tính tình không hòa hợp, hay xảy ra cãi vã, ông H1 không tôn trọng và thường dùng hành vi bạo lực gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không có hạnh phúc. Do tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên bà Hạnh yêu cầu được ly hôn với ông H1.

Xét thấy, ông H1 không có bản tự khai, mặc khác do ông H1 vắng mặt tại nơi cư trú, do đó Tòa án không ghi được lời khai của ông H1 nhưng theo biên bản xác minh ngày 25/01/2024, biên bản ghi lời khai ngày 15/02/2024 và biên bản ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của người chưa thành niên ngày 26/01/2024 thì được biết bà Hạnh và ông H1 sống chung không có hạnh phúc, không có quan tâm, thương yêu, chăm sóc và ông H1 nhiều lần dùng hành vi bạo lực gia đình với bà Hạnh, hiện nay ông H1 đang làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh, không về hòa giải vụ án được, mặc dù ông bà cũng tự hàn gắn tình cảm vợ chồng để sống chung lại với nhau nhưng không có kết quả, điều này cho thấy hôn nhân giữa bà Hạnh và ông H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần cho bà Hạnh ly hôn với ông H1 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2012 của Ủy ban nhân dân phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp ngày 23/4/2012 cho bà Võ Thị Bích H và ông Trần Văn H1 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Hạnh và ông H1 có bốn con chung: Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 02/12/1994; Trần Thị Cẩm N1, sinh ngày 02/6/1997; Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 25/3/2005, tất cả đã trưởng thành và lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Trần Hoàng M, sinh ngày 25/9/2010. Bà Hạnh đồng ý giao con chung Trần Hoàng M cho ông H1 được nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, theo biên bản ghi nhận ý kiến và nguyện vọng ngày 26/01/2024, cháu Trần Hoàng M hiện nay đang đi học và sống chung với bà Hạnh, ông H1 tại địa chỉ: Số 29/11/112, Hẻm 590, đường Lê Đức Thọ, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, vẫn còn chung sống và do cha mẹ cùng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, lo việc học hành. Mặc khác, bà Hạnh đồng ý giao con (cháu Trần Hoàng M) cho ông H1 được nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con, cần giao cháu Trần Hoàng M cho ông H1 được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của cháu Minh.

[3] Về tài sản và nợ chung: Bà Võ Thị Bích H trình bày trong thời gian chung sống với ông Trần Văn H1 có tạo lập được tài sản chung nhưng để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung, nhưng do chưa ghi được lời khai của ông H1, ngoài lời khai của bà Hạnh không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh giữa bà Hạnh và ông H1 trong thời gian sống chung có tạo lập được tài sản chung và nợ chung hay không. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung, sau này nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Bà Võ Thị Bích H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Võ Thị Bích H được ly hôn với ông Trần Văn H1.

2. *Về con chung*: Giao cháu Trần Hoàng M, sinh ngày 25/9/2010 cho ông Trần Văn H1 được tiếp tục nuôi dưỡng, bà Võ Thị Bích H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn H1 cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà Võ Thị Bích H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Võ Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007676 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

5. *Về quyền kháng cáo*: Bà Võ Thị Bích H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn H1 được quyền kháng cáo trong thời hạn trên, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- UBND phường Long Phú, TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Sang

